TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 4 – 2019
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Phượng

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Bình L, xã Bình Ch, huyện Châu P, tỉnh A Gi

Bị đơn: Anh Hà Thanh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Khánh B, xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh A Gi

(Chị V có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim V trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Thanh C tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh A Gi. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 02/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Hà Trung T, sinh ngày 09/10/2012, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Bị đơn anh Hà Thanh C vắng mặt, không có lời trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị V và anh C là hợp pháp và được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay, nhưng không hàn gắn được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Từ khi ly thân đến nay sống với chị V và chị yêu cầu được tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của chị Trần Thị Kim V và công bố lời khai của anh Hà Thanh H (anh ruột của anh Hà Thanh C) Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Kim V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Thanh C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh A Gi nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh A Gi.

Tại phiên tòa, anh Hà Thanh C vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kim V cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm vì muốn lo cho con và gia đình, chị cố chịu đựng nhưng không có kết quả nên chị và anh C ly thân từ khoảng tháng 02/2017, nay chị mong muốn được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim V và anh Hà Thanh C được pháp luật thừa nhận, bởi vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã chính thức ly thân từ hơn 02 năm qua. Tuy nhiên,

cả hai người vẫn không có biện pháp hàn gắn mà nguyên nhân là do anh C không quan tâm chăm sóc vợ và con, cho thấy tình cảm giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cho nên yêu cầu được ly hôn của chị V là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Trung T, sinh ngày 09/10/2012. Tại phiên tòa, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân đến nay con sống với chị V, có cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao cho chị nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị V về không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì vậy, trong thời gian nuôi con, nếu có căn cứ cho rằng, chị V không đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có hành vi bạo lực thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Brand, biển kiểm soát 67D1 – 46.121 do chị V đứng tên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị V khai không nên Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai người phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Kim V được ly hôn với anh Hà Thanh C.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim V tiếp tục nuôi con tên Hà Trung T, sinh ngày 09/10/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị V, không yêu cầu anh Cường cấp dưỡng nuôi con.

Anh C không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Không

Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim V phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0010358 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C vắng mặt, được kháng cáo với thời hạn trên, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Văn Hai